

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA USF)**  
**liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN**  
**và Đại học St. Francis, Hoa Kỳ, Khóa 2, Niên khóa 2021-2023**

Chương trình đào tạo áp dụng nguyên khung chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh đã được kiểm định của ĐH St. Francis tại Hoa Kỳ bao gồm 12 học phần học, 36 tín chỉ (semester credit hours), cụ thể như sau:

**Curriculum: Master of Business Administration - MBA**

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Anh/Tiếng Việt)	Tín chỉ	Đơn vị đảm nhiệm	Học phần điều kiện
	<b>MBA CORE COURSES/ Kiến thức cốt lõi về QTKD</b>		12		
1	MBAD 611	Managerial Economics Kinh tế học quản lý	3	VNU-UEB	Economics*
2	MBAD 616	Managerial Finance Tài chính quản trị	3	USF	
3	MBAD 621	Managerial Accounting* Kế toán quản trị	3	VNU-UEB	ACCT 124*
4	MBAD 631	Strategic Business Management*/ Quản trị kinh doanh chiến lược	3	USF	30 tín chỉ và bao gồm: MBAD 611, MBAD 616, MBAD 621
	<b>COMPETENCY AREA / Kiến thức về năng lực QTKD: Chọn 4 học phần trong danh mục dưới đây:</b>		12		
5	MBAD 606	Marketing Management* Quản trị Marketing	3	USF	MKTG 175*
6	MBAD 641	Human Resource Management Quản trị nguồn nhân lực	3	VNU-UEB	
7	MBAD 651	Management and Organizational Behavior* Quản lý và Hành vi tổ chức	3	USF	MGMT 150*
8	MBAD 658	Operations Management Quản lý hoạt động/sản xuất	3	VNU-UEB	
	MBAD 626**	Applied Business Research Models/Mô hình nghiên cứu kinh doanh ứng dụng	3	USF	
	MBAD 646**	Ethical, Legal and Social Environment of the Firm	3	VNU-UEB	

		Môi trường đạo đức, pháp lý và xã hội của doanh nghiệp			
	MBAD 650**	International Business/ Kinh doanh quốc tế	3	VNU-UEB	
	MBAD 671**	Special Topics/Chủ đề tự chọn đặc biệt	3	USF	
	<b>CONCENTRATION REQUIREMENT/ Kiến thức chuyên sâu:</b> Chọn 1 trong các lĩnh vực chuyên sâu dưới đây		<b>12</b>		
	<b>Health Administration/Quản lý dịch vụ y tế:</b> Chọn 4 học phần trong danh mục dưới đây:		<b>12</b>		
9	HSAD 607	Medical Sociology Xã hội học y tế	3	USF	
10	HSAD 623	Health Information and Analytics Thông tin Y tế và Phân tích	3	USF	
11	HSAD 630	Health Care Finance Tài chính trong Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	3	VNU-UEB	
12	HSAD 650	Health Care Ethics and Decision Making Đạo đức trong Dịch vụ chăm sóc sức khỏe và Ra quyết định	3	VNU-UEB	
	HSAD 637**	Health Care Law and Compliance Luật Chăm sóc sức khỏe y tế và việc tuân thủ	3	VNU-UEB	
	<b>Supply Chain Management:</b> Chọn 4 học phần trong danh mục dưới đây:		<b>12</b>		
9	MBAD 612	Logistics Analysis Phân tích Logistics	3	VNU-UEB	
10	MBAD 613	Supply Chain Management Quản lý chuỗi cung ứng	3	VNU-UEB	
11	MBAD 656	Transportation Management & Economics Quản lý và Kinh tế vận tải	3	USF	
12	MBAD 657	International Logistics Management Quản lý Logistics quốc tế	3	USF	
	MBAD 614**	Sustainable Supply Chains Chuỗi cung ứng bền vững	3	USF	
	MBAD 615**	Supply Chain Logistics Strategy/ Chiến lược Logistics chuỗi cung ứng	3	USF	

	MBAD 625**	Project Management Quản lý dự án	3	VNU-UEB	
	MBAD 655**	Business Logistics (2nd option)/ Logistics kinh doanh (lựa chọn 2)	3	VNU-UEB	
	<b>Management/Quản trị chung</b> Chọn 4 học phần từ bất cứ chuyên sâu nào trong chương trình		<b>12</b>		

*Ghi chú:* \* Các học phần điều kiện tiên quyết được xem xét trong bảng điểm đại học hoặc kết quả học bổ sung kiến thức, bao gồm:

- Economics/Kinh tế học (Bao gồm cả Kinh tế vi mô & Kinh tế vĩ mô)
- MKTG 175: Principles of Marketing/Nguyên lý Marketing
- ACCT 124: Survey of Accounting & Budgeting/Tổng quan về Kế toán & Lập kế hoạch ngân sách
- MGMT 150: Management & Organization Behaviour/Quản trị và Hành vi tổ chức

\*\* Các học phần không đánh số thứ tự là học phần có thể thay thế các học phần có đánh số trong trường hợp số người đăng ký học tối thiểu đạt 25 học viên.